

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2023

V/V “Ly hôn giữa ông L
và bà H, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Đình.

Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2023/QĐXXST-HN ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Tấn L**, sinh năm 1982. Địa chỉ: **Số C, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An** (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thanh H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **Số C, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Long An** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2023 và trong quá trình xét xử, ông **Nguyễn Tấn L** là nguyên đơn trình bày:* Ông và bà **H** chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C**. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do kinh tế gia đình, bà **H** làm ăn thua lỗ gây nợ nần cho gia đình. Ông và bà **H** không sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà **H**.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Tấn K**, sinh ngày 11/3/2005 (đã trưởng thành) và **Nguyễn Minh K1**, sinh ngày

30/5/2012. Hiện ông đang nuôi dưỡng con chung tên **Minh K1**, đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà **H** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà **Nguyễn Thị Thanh H** là bị đơn vắng mặt không có lý do, tại bảng tường trình ngày 06/6/2023 bà **Nguyễn Thị Thanh H** là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông **L** về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng là đúng, nay ông **L** yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về nuôi con chung: : Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Tấn K**, sinh ngày 11/3/2005 (đã trưởng thành) và **Nguyễn Minh K1**, sinh ngày 30/5/2012, yêu cầu nuôi con chung tên **Nguyễn Minh K1**.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà và ông **L** có tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 trị giá 1.000.000.000 đồng bà yêu cầu chia đôi trị giá căn nhà là 500.000.000 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung ông **Nguyễn Duy T** là em chồng của bà 100.000.000 đồng, nợ bà **Võ Thị Ô** là mẹ chồng bà 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông **L** yêu cầu ly hôn với bà **H** được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà **H** vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông **L** và bà **H** có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông **L** vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà **H**. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông **L** và bà **H** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông **L** yêu cầu ly hôn với bà **H**, bà **H** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ bà **H** cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **L** đối với bà **H**.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Nguyễn Tấn K**, sinh ngày 11/3/2005 (đã trưởng thành) và **Nguyễn Minh K1**, sinh ngày 30/5/2012. Khi ly hôn ông **L**, bà **H** có yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên **Nguyễn Minh K1** đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét cháu **Minh K1** hiện đang sống cùng với ông **L** từ trước cho đến nay, cũng đã ổn định về mọi mặt để giữ ổn định về mọi mặt cũng như điều kiện chăm sóc con chung nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông **L** là phù hợp nguyện vọng của **Minh**

K1, ông L và phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và về nợ chung:

Ông L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tường trình ngày 06/6/2023, bà H cho rằng có tài sản chung và có nợ chung, bà H có đơn xin hoãn phiên tòa để chia tài sản chung, giải quyết nợ chung nhưng bà H không nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung, không nộp án phí, chi phí tố tụng khác và đồng thời không có đơn triệu tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Ông L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Tấn L ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn K, sinh ngày 11/3/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 30/5/2012.

Giao con chung tên Nguyễn Minh K1, sinh ngày 30/5/2012, cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện do ông L nuôi dưỡng), bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông L đã nộp theo biên lai thu số 0006715 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa

hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Thanh Phú Long;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí